

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT

NGHIÊM THỊ THÀ, NGUYỄN KIM HUẾ, CÙ THỊ ĐOAN TRANG, PHÙNG THỊ VÂN ANH, NGUYỄN THỊ MINH TRANG

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết là tâm điểm thu hút nhà đầu tư và có tác động mạnh đến sự an toàn, ổn định của thị trường tài chính. Nghiên cứu này khảo sát 16 ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam giai đoạn năm 2014-2020 theo dữ liệu bảng để đánh giá các nhân tố về đặc điểm tài chính tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng này qua tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA) và tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE), trên cơ sở đó nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam.

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động kinh doanh, nhân tố ảnh hưởng, ngân hàng thương mại cổ phần

SOLUTIONS TO IMPROVE BUSINESS PERFORMANCE OF LISTED JOINT STOCK COMMERCIAL BANKS

Nghiêm Thị Thà, Nguyễn Kim Huệ, Cù Thị Doan Trang, Phùng Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Minh Trang

The business performance of listed joint stock commercial banks is a concern of investors which has a strong impact on the safety and stability of the financial market. This study surveyed 16 joint stock commercial banks listed in Vietnam in the period of 2014-2020 in sheet data to evaluate the effects of financial characteristics on the business performance reflected in the return on assets (ROA) and the return on equity (ROE). On that basis, the authors propose solutions to improve business performance of listed joint stock commercial banks in Vietnam.

Keywords: Business performance, impact factors, joint-stock commercial banks

Ngày nhận bài: 9/6/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 24/6/2022

Ngày duyệt đăng: 30/6/2022

Giả thuyết nghiên cứu và mô hình đề xuất

Các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam, nhất là các NHTM cổ phần (NHTMCP) là trung gian tài chính đóng vai trò trung tâm kết nối các quan hệ tài chính của nền kinh tế. Trong những

năm qua, bên cạnh các NHTMCP hoạt động kinh doanh khá hiệu quả, có giá trị vốn hóa thị trường lớn, cạnh tranh mạnh mẽ, chuyển đổi số nhanh chóng và cung cấp dịch vụ tài chính chuyên nghiệp thì không ít các NHTMCP đang hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là khi dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. Để tìm giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh (HQKD) của các NHTM niêm yết tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, nghiên cứu tập trung kiểm định ảnh hưởng của các nhân tố về đặc điểm tài chính của các NHTMCP niêm yết với quy mô mẫu nghiên cứu là 16 NHTMCP niêm yết tại Việt Nam giai đoạn các năm 2014 đến năm 2020. Mô hình nghiên cứu kế thừa nghiên cứu của các tác giả: Garcia Herrero và các cộng sự (2007), Shingjergji và Hyseni (2015), Sufian (2009), Nghiêm Thị Thà và cộng sự (2021), nhóm nghiên cứu đề xuất sử dụng 2 chỉ tiêu: ROA và ROE phản ánh HQKD của các NHTMCP niêm yết tại Việt Nam và tập trung kiểm định tác động của các nhân tố đặc điểm tài chính đến 2 chỉ tiêu này, thông qua 2 mô hình nghiên cứu (1) và (2) như sau:

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \beta_5 X_{5i} + \beta_6 X_{6i} + \beta_7 X_{7i} + e_i (1)$$

$$ROE_{it} = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \beta_5 X_{5i} + \beta_6 X_{6i} + \beta_7 X_{7i} + e_i (2)$$

Trong đó: ROA_{it}, ROE_{it}: Biến phụ thuộc phản ánh HQKD của các NHTMCP niêm yết; β_0 : Hệ số hồi quy, $\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_7$: hệ số tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy, e: Phần dư của phương trình hồi quy (đại diện cho


BẢNG 1: GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU, TÊN VÀ NỘI DUNG CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH

Biến phụ thuộc			
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản		ROA= Lợi nhuận sau thuế/ Tài sản bình quân	
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu		ROE= Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	
Biến độc lập			
Tên biến	Kí hiệu	Công thức xác định	Kỳ vọng
Quy mô tài sản	X1	X1 = Tổng tài sản	(+)
Tỷ lệ vốn chủ	X2	X2= Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	(+)
Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản	X3	X3 = Dư nợ cho vay/ Tổng tài sản	(+)
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	X4	X4 = (DT năm sau - DT năm trước) / DT năm trước	(+)
Tỷ lệ cho vay trên tổng vốn huy động	X5	X5 = Dư nợ cho vay/ Dư nợ huy động	(-)
Tỷ lệ chi phí	X6	X6 = Tổng chi phí/ Tổng doanh thu và thu nhập	(-)
Tỷ lệ nợ xấu	X7	X7 = Tổng nợ xấu/ Tổng dư nợ cho vay	(-)

Nguồn: Đề xuất của nhóm nghiên cứu

sai số và các biến không xuất hiện trong mô hình), i: NHTMCP niêm yết nghiên cứu; Giả thuyết nhiên cứu: nếu chiều tác động tích cực của các biến độc lập (X1i đến X7i) đến biến phụ thuộc thì ký hiệu dấu (+) và chiều tác động của các biến độc lập (X1i đến X7i) đến biến phụ thuộc theo hướng tiêu cực sẽ ký hiệu (-). Tổng hợp các giả thuyết nghiên cứu trong bảng 1 của 2 mô hình nghiên cứu:

Thống kê mô tả các biến của mô hình: Bảng số liệu nghiên cứu được tổng hợp và tính toán từ báo cáo tài chính của 16 NHTM niêm yết trong giai đoạn 2014 - 2020. Các NHTMCP niêm yết được nghiên cứu theo quy mô gồm 3 nhóm: Lớn (1), Trung bình (2), nhỏ (3) thống kê trong Bảng 2.

Sử dụng phần mềm Stata 14 với 122 quan sát, đặc điểm của các biến tổng hợp trong Bảng 3.

Biến ROA có độ biến động trong khoảng từ giá trị 0,00023 tới giá trị 0,025 với giá trị trung bình của mẫu 0,0087, ứng với độ lệch chuẩn của mẫu là 0,0058. Biến ROE có độ biến động trong khoảng từ giá trị 0,0035 tới giá trị 0,248 với giá trị trung bình của mẫu 0,113, ứng với độ lệch chuẩn của mẫu là

0,061 cho thấy HQKD của các NHTMCP niêm yết trong những năm qua dao động mạnh, khoảng các sinh lời của các NHTMCP niêm yết khác biệt cao. Các biến X4, X5 biến động khá mạnh, độ lệch chuẩn và hệ số biến thiên cao. Thông qua kiểm định mô hình bằng các phương pháp để đảm bảo kết quả nghiên cứu sát thực tế nhất. Kết quả hồi quy HQKD của các NHTMCP niêm yết do tác động của 7 nhân tố được trích xuất từ phần mềm Stata 14 tổng hợp trong Bảng 4 và 5.

Bảng 4 cho thấy, 4 biến có ý nghĩa thống kê với ROA bao gồm biến X1, X2, X4, X7 với mức ý nghĩa 5%. Trong đó, biến quy mô tài sản (X1), tỷ lệ vốn chủ (X2), tỷ lệ tăng trưởng doanh thu (X4) có tác động cùng chiều tới ROA tức là khi các biến X1, X2, X4 tăng 1% thì ROA tăng lần lượt là 0,000022%, 0,0653975%, 0,0015763% và ngược lại. Biến X7 (tỷ lệ nợ xấu) có tác động ngược chiều với biến phụ thuộc ROA tức là khi tỷ lệ nợ xấu tăng 1% thì ROA giảm 0,1664362% và ngược lại. Các biến còn lại là X3, X5 không có ý nghĩa thống kê với biến ROA được loại bỏ ra khỏi mô hình.

Sự tác động được giải thích cụ thể qua phương trình hồi quy sau:

$$ROA_i = 0,0043399 + 0,000022 X1_i + 0,0653975 X2_i + 0,0015763 X4_i + (-0,1664362) X7_i + u_i$$

Bảng 5, kết quả hồi quy mô hình OLS của ROE cho thấy, 5 biến có ý nghĩa thống kê với ROE bao

BẢNG 2: DANH SÁCH NHTMCP CHỌN MẪU PHÂN LOẠI THEO TÀI SẢN TRUNG BÌNH (2014-2020) (TRIỆU ĐỒNG)

STT	Mã CK của NHTMCP	Tài sản trung bình	Nhóm quy mô
1	BID	1.124.515.004	1
2	CTG	1.025.916.918	1
3	VCB	954.099.629	1
4	MBB	322.923.185	1
5	STB	358.532.276	1
6	ACB	292.984.152	2
7	TCB	286.119.405	2
8	SHB	283.343.039	2
9	VPB	246.307.147	2
10	HDB	179.246.744	2
11	LPB	161.883.365	2
12	TPB	123.504.525	2
13	MSB	126.377.146	2
14	NAB	67.743.409	3
15	BAB	87.283.194	3
16	SGB	20.762.047	3

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

gồm biến X1, X2, X4, X5, X7 với mức ý nghĩa 5%. Trong đó, biến quy mô tài sản (X1), tỷ lệ tăng trưởng doanh thu (X4) có tác động cùng chiều tới ROE tức là khi các biến X1, X4 tăng 1% thì ROE tăng lần lượt là 0,0000506%, 0,006611% và ngược lại. Biến X2 (tỷ lệ vốn chủ), X5 (tỷ lệ cho vay trên tổng vốn huy động), X7 (tỷ lệ nợ xấu) có tác động ngược chiều với biến phụ thuộc ROA tức là khi các biến X2, X5, X7 tăng 1% thì ROE giảm lần lượt là 0,1597237%, 0,0155341%, 1,597157% và ngược lại. Các biến còn lại là X3, X6 không có ý nghĩa thống kê với biến ROE được loại bỏ ra khỏi mô hình, phương trình hồi quy sau:

$$ROE_i = 0,5355261 + 0,0000506 X1_i + (-0,1597237) X2_i + 0,006611 X4_i + (-0,0155341) X5_i + (-1,597157) X7_i + u_i$$

Hệ số điều chỉnh R2 của mô hình hồi quy với ROE là 61,83% có nghĩa 67,08% sự biến thiên của ROE được giải thích thông qua các biến độc lập của mô hình, còn lại 32,92% được giải thích thông qua các biến ngoài mô hình. Với giá trị P_value (F-statistic) của mô hình hồi quy tuyến tính <1% chứng tỏ mức độ phù hợp của mẫu với mô hình hồi quy.

Những hạn chế trong hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết Việt Nam

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của các NHTMCP niêm yết Việt Nam còn tồn tại một số hạn chế như:

Thứ nhất, năm 2020, dịch bệnh COVID-19 bùng phát đã làm ảnh hưởng nặng nề đến mọi hoạt động đời sống, kinh tế của thế giới nói chung và các NHTMCP nói riêng. Trên thế giới, nhiều ngân hàng như Scotiabank, Canadian Imperial Bank of Commerce (CIBC), Royal Bank of Canada (RBC)... đều dự báo nguy cơ khủng hoảng tài chính là rất lớn. Theo đó, hàng loạt thị trường chứng khoán “đổ lũ”, còn ngân hàng trung ương các nước nhanh chóng đưa biện pháp để giải cứu nền kinh tế.

Thứ hai, đối với tình hình huy động vốn, nguyên nhân là do các DN đang gặp nhiều khó khăn, phải thu hẹp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều DN phải rút tiền gửi ngân hàng để trang trải các chi phí vận hành, trả lương nhân viên... Việc huy động vốn của ngân hàng có chiều hướng giảm do các ngân hàng gặp khó khăn trong việc cho vay khi cầu tín dụng giảm. Vì thế, lãi suất huy động vốn cũng giảm theo do không còn áp lực cạnh tranh khi thanh khoản dồi dào...

Thứ ba, đối với ROA, các NHTMCP có tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) thấp hơn mức ROA trung bình theo từng năm có xu hướng giảm đi. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2020, ROA trung bình của ngân hàng

BẢNG 3: KẾT QUẢ THỐNG KÊ MÔ TẢ ĐẶC ĐIỂM CÁC BIẾN CỦA MÔ HÌNH

Variable	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
ROA	112	.0086956	.005778	.0002339	.0252222
ROE	112	.1133838	.0607157	.0035393	.2478621
X1	112	3.54e+08	3.66e+08	1.64e+07	1.48e+09
X2	112	.0811781	.0334586	.0378444	.2121285
X3	112	.725014	.1022733	.391874	.8899926
X4	112	.1951001	.5146747	-.8631	5.273779
X5	112	.8964871	.3774377	.4722076	4.312037
X6	112	.853119	.0859952	.6162421	.9962397
X7	112	.0137623	.0089139	.0041747	.0647528

Nguồn: Số liệu được tính toán từ phần mềm Stata

Saigon Thương tín (STB) là 0,33%, ngân hàng SHB là 0,49%, ngân hàng MBBank là 0,47%, mặc dù tín dụng tăng trưởng cao và quy mô tài sản tăng nhưng HQKD của các ngân hàng này vẫn giảm.

Còn đối với ROE, ROE bình quân của các NHTMCP giai đoạn 2014-2020 có xu hướng tăng. Theo Moody's thì chỉ tiêu ROE từ 12-15% là đạt yêu cầu, nhưng theo như những số liệu đã tính toán được, ngân hàng SHB 9,29%, MBBank là 4,67%, ngân hàng BAB là 8,55%, NAB cũng chỉ đạt 9%, và SaigonBank có ROE trung bình thấp nhất chỉ 2,46%. Điều này cho thấy, việc quản lý và sử dụng vốn của các ngân hàng này còn đang gặp khó khăn.

Thứ tư, nhìn vào tỷ lệ cho vay cho thấy khả năng đi vay của các NHTMCP rất tốt nhưng đi đôi với đó là tỷ suất này quá lớn dẫn đến khả năng thanh toán của NHTMCP giảm.

Giải pháp tài chính để nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam

Nhằm nâng cao HQKD của các NHTM niêm yết tại Việt Nam trong thời gian tới, nhóm nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh chuyển đổi số, gia tăng quy mô tài sản, nhất là đầu tư vào các tài sản dài hạn.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ để nâng cao năng lực bảo mật và tích hợp nhiều tiện ích, đáp ứng nhu cầu mang lại sự yên tâm, trải nghiệm hiện đại, chuyên nghiệp từ các dịch vụ bán lẻ của NHTM cho khách hàng, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu dịch vụ bán lẻ trong những năm tới. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 còn tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam phải thực hiện chủ yếu các giao dịch thanh toán qua hệ thống ngân hàng, hạn chế tiếp xúc; các NHTMCP cần tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số, tận dụng lợi ích của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thanh toán không sử dụng tiền mặt sẽ làm cho các giao dịch trong nền kinh tế và trong hệ thống tài chính không bị ách tắc.

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY MÔ HÌNH OLS CỦA ROA

```
. reg ROA X1 X2 X3 X4 X5 X7
```

Source	SS	df	MS	Number of obs	=	112
Model	.000669966	6	.000111661	F(6, 105)	=	3.86
Residual	.003035853	105	.000028913	Prob > F	=	0.0016
Total	.003705818	111	.000033386	R-squared	=	0.1808
				Adj R-squared	=	0.1340
				Root MSE	=	.00538

ROA	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]
X1	3.66e-12	1.72e-12	2.12	0.036	2.41e-13 7.08e-12
X2	.0653975	.0169574	3.86	0.000	.0317741 .099021
X3	.00055675	.0064876	0.09	0.930	-.0122962 .0134313
X4	.0015763	.0010048	1.57	0.120	-.000416 .0035685
X5	-.0007553	.0015514	-0.49	0.627	-.0038314 .0023209
X7	-.1664362	.0609335	-2.73	0.007	-.2872561 -.0456162
_cons	.0043359	.0048793	0.89	0.376	-.0053348 .0140147

Nguồn: Số liệu được tính toán từ phần mềm Stata

Nhóm các NHTMCP lớn như: BIDV, VCB, MBB... cần thúc đẩy đầu tư, mở rộng quy mô tài sản hợp lý, tạo động lực tốt để các NHTMCP nâng cao HQKD.

Hai là, tái cơ cấu nguồn vốn: các NHTMCP quy mô nhỏ tiếp tục cải thiện và nâng cao tỷ lệ vốn chủ sở hữu, kiểm soát tỷ lệ tăng trưởng vốn vay, kiểm soát chi phí.

Những bất cập trong cấu trúc vốn là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả hoạt động của nhiều NHTMCP chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh mà NHTMCP có được. Trong cơ cấu vốn vay, tỷ trọng vốn vay dài hạn thấp trong tổng vốn vay, vốn ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn vay của doanh nghiệp đã làm hạn chế khả năng đầu tư của NHTMCP, đồng thời nếu kiểm soát không tốt dễ dẫn đến rủi ro mất khả năng thanh khoản. Vì vậy, việc xác định những yếu tố nào mà nguồn vốn tự có của doanh nghiệp không đủ đáp ứng hoặc nếu sử dụng nguồn vốn vay thì sẽ đem lại lợi nhuận cao hơn để đưa ra các quyết định là điều các doanh nghiệp cần để ý trong lúc này. Ngoài ra, doanh nghiệp nên cân nhắc về tỷ lệ giữa vốn vay dài hạn và vay ngắn hạn đảm bảo việc đầu tư mang lại hiệu quả cao, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, đồng thời là cuộc đua marathon giữa các ngân hàng và đòi hỏi các ngân hàng phải có sức bền để nắm bắt các lợi thế về công nghệ.

Ba là, tăng cường quản trị nợ và quản trị rủi ro, nhất là rủi ro tín dụng.

Tiếp tục thực hiện cải cách đa dạng thành phần sở hữu, giảm tỷ lệ nợ xấu, nâng cao cơ chế giám sát hướng theo chuẩn Basel III, minh bạch về hoạt động sẽ tạo niềm tin, khẳng định vị thế và uy tín của NHTMCP, tận dụng kênh huy động vốn dài hạn trên thị trường chứng khoán.

Bốn là, phát triển thị trường, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, nhất là doanh thu dịch vụ bán lẻ của các NHTMCP lớn.

BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY MÔ HÌNH OLS CỦA ROE

```
. reg ROE X1 X2 X3 X4 X5 X6 X7
```

Source	SS	df	MS	Number of obs	=	112
Model	.282995768	7	.040427967	F(7, 104)	=	33.32
Residual	.126194228	104	.001213406	Prob > F	=	0.0000
Total	.409189996	111	.003686396	R-squared	=	0.6916
				Adj R-squared	=	0.6708
				Root MSE	=	.03483

ROE	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]
X1	3.03e-11	1.12e-11	2.69	0.008	7.95e-12 5.26e-11
X2	-.1597237	.1099078	-1.45	0.149	-.377675 .0582275
X3	.0277386	.042142	0.66	0.512	-.0558305 .1113078
X4	.006611	.0065908	1.00	0.318	-.0064589 .0196808
X5	-.0155341	.0100515	-1.55	0.125	-.0354666 .0043983
X6	-.4751672	.0400623	-11.86	0.000	-.5546123 -.3957221
X7	-.1597157	.3969803	-4.02	0.000	-2.384384 -.809302
_cons	.5355261	.048591	11.02	0.000	.4391684 .6318839

Nguồn: Số liệu được tính toán từ phần mềm Stata

Sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, các NHTM đã công bố giảm lãi suất cho vay từ 0,5%-1,5%/năm đối với khách hàng vay vốn mới và cả khách hàng hiện hữu song song với việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khách hàng bị ảnh hưởng do dịch. Mặt khác, dịch COVID-19 tuy ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, đến đời sống người dân nhưng cũng là cú hích khiến mọi tổ chức, cá nhân nhận ra những lợi ích thiết thực của việc thanh toán không dùng tiền mặt. Nếu trước kia, thanh toán online được mặc định chỉ dành cho giới trẻ thì sau giai đoạn giãn cách xã hội, lượng giao dịch online được ghi nhận có sự tăng vọt ở nhiều nhóm khách hàng. Thanh toán online giúp các NHTMCP có cơ hội tăng trưởng doanh thu dịch vụ bán lẻ rất tốt nếu có chính sách đầu tư và kinh doanh phù hợp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Minh Chiến, Phạm Thị Minh Thùy (2020), Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
2. NghiêM Thị Thà và cộng sự (2021), Học viện Tài chính, đề tài cấp Học viện: "Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các DN sản xuất VLXD niêm yết tại Việt Nam;
3. Garcia Herrero và các cộng sự (2007), What explains the low profitability of Chinese banks?, Journal of Banking & Finance;
4. <https://vietstock.vn/>; <https://cafef.vn/>;
5. Shingjergji và Hyseni (2015), Determinants of capital adequacy of Ethiopia commercial banks, European Scientific Journal;
6. Suñan (2009), Determinants of bank profitability in a developing economy: empirical evidence from the China banking sector, Journal of Asia-Pacific Business.

Thông tin tác giả:

PGS., TS. NghiêM Thị Thà, Nguyễn Kim Huế, Cù Thị Đoàn Trang, Phùng Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Minh Trang
 Khoa Tài chính doanh nghiệp- Học viện Tài chính
 Email: nghiemthitha@hvtc.edu.vn